

CÔNG TY CP VANG THĂNG LONG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: 29 /CPVTL-TC-KT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc(V/v: Giải trình về số liệu tài chính tại
BCTC năm tài chính 2015
(từ 01/4/2015 đến 31/3/2016))

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2016

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ Báo cáo tài chính (BCTC) năm tài chính 2015 (từ 01/4/2015 đến 31/3/2016) đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, Công ty xin được giải trình về sự khác biệt của một số chỉ tiêu trên BCTC năm tài chính 2015 chưa kiểm toán và BCTC năm tài chính 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

I. Báo cáo tài chính Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	79.540.378.142	79.690.378.142	150.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	479.116.636	479.116.636	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	79.061.261.506	79.211.261.506	150.000.000
4. Giá vốn hàng bán	11	66.050.910.615	66.050.910.615	0
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	13.010.350.891	13.160.350.891	150.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.796.383.603	1.010.520.827	-785.862.776
7. Chi phí tài chính	22	6.569.583.776	5.783.721.000	-785.862.776
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	5.833.821.885	5.783.068.015	-50.753.870
8. Chi phí bán hàng	24	2.490.367.437	2.490.367.437	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.948.759.185	4.948.759.185	0
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	798.024.096	948.024.096	150.000.000
11. Thu nhập khác	31	2.464.364.909	2.395.477.788	-68.887.121
12. Chi phí khác	32	235.118.769	166.361.116	-68.757.653
13. Lợi nhuận khác	40	2.229.246.140	2.229.116.672	-129.468
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.027.270.236	3.177.140.768	149.870.532
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	463.937.896	533.508.859	69.570.963
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	2.563.332.340	2.643.631.909	80.299.569

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tăng 150.000.000 đồng là do điều chỉnh bổ sung doanh thu cho Công ty TNHH dinh dưỡng Nutricare thuê kho.
 2. **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tăng 150.000.000 đồng do ảnh hưởng tăng / giảm của chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
 3. **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tăng 150.000.000 đồng do ảnh hưởng tăng / giảm của các chỉ tiêu trên.
 4. **Doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí tài chính:** Giảm 785.862.776 đồng do:
 - + Trình bày lại khoản lãi / lỗ của Công ty con chuyển về Công ty mẹ: 735.108.906 đồng.
 - + Điều chỉnh giảm phân lãi vay Công ty mẹ tính cho Chi nhánh Cửa hàng kinh doanh tổng hợp: 50.753.870 đồng.
 5. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Tăng 150.000.000 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
 6. **Thu nhập khác:** Giảm 68.887.121 đồng do: Trình bày lại giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính: 68.887.121 đồng.
 7. **Chi phí khác:** Giảm 68.757.653 đồng do:
 - + Điều chỉnh tăng: Điều chỉnh thêm phần hạch toán tiền phạt trên tài khoản 421: 129.468 đồng.
 - + Điều chỉnh giảm: Trình bày lại giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính: 68.887.121 đồng.
 8. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Tăng 149.870.532 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
 9. **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Tăng 69.570.963 đồng là số thuế TNDN điều chỉnh giảm do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm.
 10. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Tăng 80.299.569 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.
- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán Công ty mẹ cũng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điều chỉnh trên.

II. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	BCTC Công ty lập	BCTC kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	95.229.986.538	84.002.250.409	-11.227.736.129
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.060.320.923	616.853.498	-443.467.425



3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	94.169.665.615	83.385.396.911	-10.784.268.704
4. Giá vốn hàng bán	11	77.008.459.384	66.074.190.680	-10.934.268.704
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	17.161.206.231	17.311.206.231	150.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	145.762.137	95.008.267	-50.753.870
7. Chi phí tài chính	22	5.840.800.965	5.790.047.095	-50.753.870
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	5.839.891.885	5.789.138.015	-50.753.870
8. Chi phí bán hàng	24	3.850.877.496	3.850.877.496	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.961.600.125	4.961.600.125	0
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.653.689.782	2.803.689.782	150.000.000
11. Thu nhập khác	31	1.075.090.909	1.006.203.788	-68.887.121
12. Chi phí khác	32	235.118.769	166.361.116	-68.757.653
13. Lợi nhuận khác	40	839.972.140	839.842.672	-129.468
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.493.661.922	3.643.532.454	149.870.532
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	930.329.582	838.176.585	-92.152.997
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.563.332.340	2.805.355.869	242.023.529

BCTC hợp nhất của Công ty được tổng hợp từ BCTC công ty mẹ và 02 Công ty con (Công ty TNHH một thành viên Rượu vang Thăng Long và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long). Vì vậy, sự thay đổi của các chỉ tiêu tương ứng của BCTC Công ty mẹ và BCTC Công ty con sẽ ảnh hưởng đến BCTC hợp nhất. Cụ thể:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 11.227.736.129 đồng do:
 - + Tăng: Ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ, điều chỉnh tăng doanh thu 150.000.000 đồng.
 - + Giảm: Loại trừ phần chiết khấu thương mại của Công ty mẹ cho Công ty con (443.467.425 đồng) và điều chỉnh phần chênh lệch phần doanh thu tính trùng giữa Công ty mẹ và Công ty con (10.934.268.704 đồng).
- Các khoản giảm trừ doanh thu:** Giảm 443.467.425 đồng là số tiền chiết khấu thương mại và hàng bán trả lại của Công ty mẹ cho Công ty con.
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Giảm 10.784.268.704 đồng do ảnh hưởng của 02 chỉ tiêu trên.
- Giá vốn hàng bán:** Giảm 10.934.268.704 đồng do điều chỉnh phần chênh lệch phần giá vốn tính trùng giữa Công ty mẹ và Công ty con.
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Tăng 150.000.000 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.

5. **Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu tài chính:** Giảm 50.753.870 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
6. **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Tăng 150.000.000 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
7. **Thu nhập khác:** Giảm 68.887.121 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
8. **Chi phí khác:** Giảm 68.757.653 đồng do ảnh hưởng của BCTC Công ty mẹ.
9. **Lợi nhuận khác:** Giảm 129.468 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu “Thu nhập khác” và “Chi phí khác”.
10. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:** Tăng 149.870.532 đồng do ảnh hưởng của các chỉ tiêu trên.
11. **Chi phí thuế TNDN hiện hành:** Giảm 92.152.997 đồng là số thuế TNDN điều chỉnh giảm do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” giảm.
12. **Lợi nhuận sau thuế TNDN:** Tăng 242.023.529 đồng do ảnh hưởng của chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” và “Chi phí thuế TNDN hiện hành”.

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các điều chỉnh trên.

Trên đây là toàn bộ giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán và chênh lệch trên BCTC năm tài chính 2015 (từ 01/4/2015 đến 31/3/2016) chưa kiểm toán và BCTC năm tài chính 2015 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long.

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.TC-HC, P.TC-KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Xuân Hà